TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2026.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Kim Y**, sinh ngày 25/5/2006 (có mặt).

Số căn cước: **********, ngày cấp 03/4/2021.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Trịnh Minh H**, sinh ngày 01/01/1996 (có mặt).

Số căn cước: **********, ngày cấp 29/7/2022.

Nơi ĐKTT: Khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Chổ ở: Khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2026, các tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Kim Y trình bày: Bà và ông Trịnh Minh H tự tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2024 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi bắt

đầu sống chung rất hạnh phúc, về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên giữa bà và ông H không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2026 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt, do đó bà khởi kiện yêu cầu yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh H.

Về con chung: Giữa bà và ông Trịnh Minh H có 01 người con chung tên Trịnh Ngọc T, sinh ngày 05/12/2023 (nữ), hiện con đang gửi ông bà nội chăm sóc. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Trịnh Minh H trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Y về quá trình tiến đến hôn nhân và có 01 người con chung tên Trịnh Ngọc T, sinh ngày 05/12/2023 (nữ). Cuộc sống hôn nhân của ông và bà Y hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì có nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2026 cho đến nay, nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống nên ông đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Ông không đồng ý với yêu cầu của bà Y về nuôi con chung, do ông với bà Y phải đi làm nên từ khi con sinh ra đã gửi ông bà nội (cha mẹ ông) chăm sóc. Thời gian tới con phải đi học, ông bà nội làm ruộng theo mùa vụ sẽ có nhiều thời gian đưa đón con đi học, hiện bà Y đi làm nơi khác và phải ở nhà thuê, môi trường sống không thoải mái như khi sống tại môi trường quen thuộc. Do đó ông đề nghị xem xét giao con chung cho ông nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập và được thông báo để thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, công nhận thuận tình ly hôn cho bà Y và ông H. Đối với con chung Trịnh Ngọc T, sinh ngày 05/12/2023 là chưa đủ 36 tháng tuổi, việc ông H yêu cầu nuôi con nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Y không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng và buộc ông H cấp dưỡng cho con là đúng quy định. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà Y và ông H phải chịu án phí ly hôn, đồng thời ông H còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Y khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được tống đạt hợp lệ và có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Y và ông H tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà Y có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà Y và ông H không còn sống chung với nhau. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà Y và ông H tự nguyện thuận tình ly hôn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Y và ông H.

[3] Về con chung: Bà Y và ông H có một người con chung tên Trịnh Ngọc T, sinh ngày 05/12/2023 (nữ) và đều yêu cầu được nuôi con chung. Đối với ông H cho rằng bà Y đi làm không có thời gian trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con trong khi con chung đã được cha mẹ ông chăm sóc ổn định từ khi sinh ra, nên việc giao cho ông sẽ đảm bảo sự ổn định về môi trường sống của con chung. Nhận thấy lập luận này của ông H không phù hợp, bởi lẽ việc nuôi con không bắt buộc phải trực tiếp chăm sóc toàn bộ thời gian và việc bà Y đi làm là để đảm bảo điều kiện kinh tế cho việc nuôi con. Trong khi cháu Tiên sinh ngày 05/12/2023 đến ngày xét xử là chưa đủ 36 tháng tuổi, giữa ông H và bà Y đều lao động tự do, công việc và thu nhập không cao; đồng thời ông H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Y không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y về nuôi con chung và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Ông H đồng ý cấp dưỡng cho con chung 2.000.000 đồng trong trường hợp giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng. Ý kiến của ông H phù hợp yêu cầu của bà Y về mức cấp dưỡng, do đó hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y và ông H không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Đối với ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Kim Y và ông Trịnh Minh H.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Kim Y được nuôi dưỡng con chung là Trịnh Ngọc T, sinh ngày 05/12/2023 (nữ) đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trịnh Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ông Trịnh Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Ngọc T đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/người/tháng và cấp dưỡng từ ngày 16/6/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Võ Kim Y, ông Trịnh Minh H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng và ông Trịnh Minh H còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Võ Kim Y đã nộp xong án phí và được hoàn lại 225.000 theo biên lai thu số 0008600 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai